

Số: 61/TB-LQĐ

Đồng Nai, ngày 01 tháng 07 năm 2025

THÔNG BÁO

**Tuyển sinh năm 2025 trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp,
đào tạo thường xuyên và văn hóa lớp 10, 11, 12.**

- Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐT BXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Căn cứ Quyết định số 3421/2014/QĐ-BGDĐT ngày 05/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Lê Quý Đôn;
- Căn cứ Quy định số 123/QyĐ-LQĐ ngày 28/6/2024 về mức thu học phí, lệ phí và thời gian đào tạo trình độ đào tạo thường xuyên, sơ cấp, trung cấp, cao đẳng,

Trường Cao đẳng Lê Quý Đôn thông báo Tuyển sinh năm 2025 trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, đào tạo thường xuyên và văn hóa lớp 10, 11, 12 cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN TUYỂN SINH:

1. TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG			Miễn giảm học phí (VND)
			HỆ LIÊN THÔNG	HỆ VĂN BẰNG 2	HỆ CHÍNH QUY	
			Thời gian đào tạo/ Học phí toàn khóa (VND)	Thời gian đào tạo/ Học phí toàn khóa (VND)	Thời gian đào tạo/ Học phí toàn khóa (VND)	
I. Khoa Y Dược						
01	Y sĩ đa khoa	6720101			3 năm 72.000.000 12.000.000/HK	Giảm 70% Được hoàn lại 49.980.000 8.330.000/HK
02	Điều dưỡng	6720301	1,5 năm 36.000.000 12.000.000/HK	2 năm 48.000.000 12.000.000/HK	3 năm 72.000.000 12.000.000/HK	Giảm 70% Được hoàn lại 49.980.000 8.330.000/HK
03	Dược	6720201	1,5 năm 36.000.000 12.000.000/HK	2 năm 48.000.000 12.000.000/HK	3 năm 72.000.000 12.000.000/HK	Giảm 70% Được hoàn lại 49.980.000 8.330.000/HK
04	Hộ sinh	6720303	1,5 năm 36.000.000 12.000.000/HK	2 năm 48.000.000 12.000.000/HK	3 năm 72.000.000 12.000.000/HK	Giảm 70% Được hoàn lại 49.980.000 8.330.000/HK

05	Y học cổ truyền	6720102			3 năm 66.000.000 11.000.000/HK	
II. Khoa Dịch vụ						
06	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	1,5 năm 33.000.000 11.000.000/HK	2 năm 44.000.000 11.000.000/HK	2,5 năm 55.000.000 11.000.000/HK	
07	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	6810205	1,5 năm 36.000.000 12.000.000/HK	2 năm 48.000.000 12.000.000/HK	2,5 năm 60.000.000 12.000.000/HK	
III. Khoa Kỹ thuật						
08	Công nghệ ô tô	6510216	1,5 năm 33.300.000 11.100.000/HK	2 năm 44.400.000 11.100.000/HK	2,5 năm 55.500.000 11.100.000/HK	Giảm 65% Được hoàn lại 35.700.000 7.140.000/HK
09	Điện công nghiệp	6520227	1,5 năm 33.300.000 11.100.000/HK	2 năm 44.400.000 11.100.000/HK	2,5 năm 55.500.000 11.100.000/HK	Giảm 65% Được hoàn lại 35.700.000 7.140.000/HK
IV. Khoa Kinh tế - Luật						
10	Pháp luật	6380101	1,5 năm 30.000.000 10.000.000/HK	2 năm 40.000.000 10.000.000/HK	2,5 năm 50.000.000 10.000.000/HK	
11	Kế toán doanh nghiệp	6340302	1,5 năm 30.000.000 10.000.000/HK	2 năm 40.000.000 10.000.000/HK	2,5 năm 50.000.000 10.000.000/HK	
12	Quản trị kinh doanh	6340404	1,5 năm 30.000.000 10.000.000/HK	2 năm 40.000.000 10.000.000/HK	2,5 năm 50.000.000 10.000.000/HK	
V. Khoa Ngoại ngữ - Tin học						
13	Công nghệ thông tin	6480201	1,5 năm 33.300.000 11.100.000/HK	2 năm 44.400.000 11.100.000/HK	2,5 năm 55.500.000 11.100.000/HK	
14	Tiếng Anh	6220206	1,5 năm 30.000.000 10.000.000/HK	2 năm 40.000.000 10.000.000/HK	2,5 năm 50.000.000 10.000.000/HK	
15	Tiếng Hàn Quốc	6220211	1,5 năm 30.000.000 10.000.000/HK	2 năm 40.000.000 10.000.000/HK	2,5 năm 50.000.000 10.000.000/HK	

***** Sinh viên được hỗ trợ miễn giảm lên đến 65% - 70% học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ.**

Lưu ý:

- Đối với học viên, sinh viên đã có bằng Trung cấp đúng chuyên ngành (Y sĩ đa khoa, chăm sóc sắc đẹp, y học cổ truyền, kỹ thuật phục hình răng) đăng ký học lớp cao đẳng hệ chính quy mức học phí trọn khóa tương đương hệ liên thông Cao đẳng (học phí 03 kỳ).
- Đối với học viên, sinh viên đã có bằng Trung cấp, cao đẳng khác chuyên ngành đăng ký học lớp cao đẳng hệ chính quy mức học phí trọn khóa tương đương hệ văn bằng 2 (học phí 04 kỳ).

2. TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP		Miễn giảm học phí (VND)
			HỆ VĂN BẢNG 2	HỆ CHÍNH QUY	
			Thời gian đào tạo/ Học phí toàn khóa (VND)	Thời gian đào tạo/ Học phí toàn khóa (VND)	
16	Dược	5720201	1,5 năm 24.000.000 8.000.000/HK	2 năm 32.000.000 8.000.000/HK	
17	Điều dưỡng	5720301	1,5 năm 24.000.000 8.000.000/HK	2 năm 32.000.000 8.000.000/HK	
18	Công nghệ ô tô	5510216	1.5 năm 30.000.000 10.000.000/HK	2 năm 40.000.000 10.000.000/HK	Giảm 100% Được hoàn lại 40.000.000 10.000.000/HK
19	Điện công nghiệp	5520227	1.5 năm 30.000.000 10.000.000/HK	2 năm 40.000.000 10.000.000/HK	Giảm 100% Được hoàn lại 40.000.000 10.000.000/HK
20	Tiếng Anh	5220206	1.5 năm 21.000.000 7.000.000/HK	2 năm 28.000.000 7.000.000/HK	
21	Tiếng Hàn Quốc	5220211	1.5 năm 21.000.000 7.000.000/HK	2 năm 28.000.000 7.000.000/HK	

*** Sinh viên được hỗ trợ miễn giảm 100% học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

3. HỆ VĂN HÓA LỚP 10, 11, 12 (Bắt buộc học Văn hóa song song với học Trình độ Trung cấp)

STT	LỚP	TỔNG SỐ TIẾT/NĂM	THỜI GIAN ĐÀO TẠO/ HỌC PHÍ TOÀN KHÓA (VND)	GHI CHÚ (VND)
22	10	752 (7 môn)	9 tháng (2 kỳ) 1 kỳ 4,5 tháng 11.800.000	1 kỳ 5.900.000
23	11	752 (7 môn)	9 tháng (2 kỳ) 1 kỳ 4,5 tháng 11.800.000	1 kỳ 5.900.000
24	12	752 (7 môn)	9 tháng (2 kỳ) 1 kỳ 4,5 tháng 11.800.000	1 kỳ 5.900.000

Lưu ý: Học sinh vừa học văn hóa vừa học nghề. Học phí trên chưa bao gồm Học phí trình độ Trung cấp (Mức học phí Trung cấp tương ứng với các Ngành nghề theo học).

4. TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN

STT	TÊN NGÀNH	TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP, CHỨNG CHỈ, NGHIỆP VỤ
		Thời gian đào tạo (từ 6-9 tháng) Học phí toàn khóa (VND)
25	Kỹ thuật viên Xoa bóp, Bấm huyệt - Vật lý trị liệu	11.000.000
26	Y học cổ truyền	11.000.000
27	Chăm sóc sắc đẹp	11.000.000
28	Kỹ thuật Chuyên khoa chuẩn đoán hình ảnh	11.000.000
29	kỹ thuật Chuyên khoa nhãn khoa cơ bản	11.000.000
30	Kỹ thuật X quang cơ bản	11.000.000
31	Kỹ thuật Điện tim cơ bản	11.000.000
32	kỹ thuật Xét nghiệm y học	11.000.000
33	Kỹ thuật viên X quang	11.000.000
34	Da liễu	11.000.000
35	Quản trị khách sạn	9.000.000
36	Kỹ thuật chế biến món ăn	9.000.000
37	Hàn (Công nghệ cao)	9.000.000
38	Điện công nghiệp	9.000.000
39	Cắt gọt kim loại (CNC)	9.000.000
40	Điện dân dụng	9.000.000
41	May công nghiệp	9.000.000
42	Sửa chữa điện ô tô	9.000.000
43	Sửa chữa gầm ô tô	9.000.000
44	Sửa chữa động cơ ô tô	9.000.000
45	Xây dựng	9.000.000
46	Đan lát, thủ công mỹ nghệ	9.000.000
47	Kỹ thuật nghề Mộc gia dụng	9.000.000
48	Trồng, chăm sóc và thu hoạch các loại cây nông nghiệp	9.000.000
49	Chăn nuôi gia súc - gia cầm	9.000.000
50	Giao tiếp tiếng Hàn	9.000.000
51	Tiếng Trung Quốc	9.000.000
52	Tiếng Nhật	9.000.000
53	Tiếng Anh	9.000.000

* Đối tượng tuyển sinh: Người từ đủ 15 (mười lăm) tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học.

- Chương trình đào tạo thường xuyên (Thời gian học: Dưới 03 tháng):

+ Khối ngành sức khỏe: 5.500.000 đồng/ khóa học.

+ Khối ngành còn lại: 4.500.000 đồng/ khóa học.

II. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN:

- Thời gian được chia thành nhiều đợt trong năm theo quy định.

- Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 cho đến khi đủ chỉ tiêu, chia làm nhiều đợt xét tuyển và làm thủ tục nhập học.

Đợt	Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển	Đợt	Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển
1	Từ ngày 01/01/2025 – 28/02/2025	4	Từ ngày 01/07/2025 – 30/08/2025
2	Từ ngày 01/03/2025 – 30/04/2025	5	Từ ngày 01/09/2025 – 30/10/2025
3	Từ ngày 01/05/2025 – 30/06/2025	6	Từ ngày 01/11/2025 – 31/12/2025

III. HỒ SƠ, LỆ PHÍ VÀ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN:

3.1. Mã trường: CDD4806

3.2. Cách thức đăng ký:

- Nộp hồ sơ theo đường bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Trường Cao đẳng Lê Quý Đôn và các cơ sở liên kết.

3.3. Lệ phí xét tuyển, học phí và ký túc xá:

- Lệ phí mua hồ sơ: 50.000 đồng /hồ sơ (Tùy vào trường hợp, nếu đối tác thì miễn phí).

- Lệ phí đăng ký xét tuyển: 350.000 đồng /hồ sơ/người;

- 2 Áo đồng phục: 300.000 đồng; Thẻ học sinh, sinh viên: 50.000 đồng;

- Ký túc xá (trong khuôn viên trường): 600.000 đồng/tháng.

- Chi phí ôn thi tốt nghiệp, nhận bằng tốt nghiệp: Theo quy định chung của nhà trường.

3.4. Đối tượng, hồ sơ đăng ký và phương thức tuyển sinh:

3.4.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THCS/THPT (Tùy theo chương trình đào tạo).

3.4.2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

+ Hình thức 1: Căn cứ vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THCS/THPT (Tùy theo chương trình đào tạo).

+ Hình thức 2: Xét học bạ THCS hoặc THPT (Tùy theo chương trình đào tạo).

3.4.3. Hình thức đào tạo và tổ chức đào tạo:

- Hình thức đào tạo: Học trực tiếp, học online, học từ xa.

- Thời gian học: Giờ hành chính hoặc Thứ 7, Chủ nhật và các buổi tối trong tuần.

- Tổ chức lớp học khi số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp là 20 học viên/lớp và số lượng tối đa đào tạo trong 1 lớp học là 35 học viên/lớp.

3.4.4. Hồ sơ xét tuyển:

01. Đơn đăng ký học, Sơ yếu lý lịch (theo mẫu, có xác nhận của địa phương);
02. Bằng tốt nghiệp THCS/THPT hoặc giấy tốt nghiệp tạm thời (Tùy theo chương trình đào tạo): 01 bản công chứng + 01 bản photo;
03. Học bạ THCS hoặc THPT (Tùy theo chương trình đào tạo): 01 bản công chứng;
04. Giấy khai sinh: 01 bản công chứng + 01 bản photo;
05. CCCD hoặc chứng minh nhân dân: 01 bản công chứng + 01 bản photo;
06. 02 ảnh (3x4) chụp không quá 06 tháng (ghi tên, ngày tháng năm sinh ở mặt sau);
07. Giấy khám sức khỏe: 01 bản chính (khám từ bệnh viện tuyến huyện trở lên).
08. Bằng trung cấp hoặc bằng Cao đẳng, đại học: 01 bản công chứng + 01 bản photo (dành cho liên thông và văn bằng 2);
09. Bảng điểm trung cấp hoặc Cao đẳng, Đại học: 01 bản công chứng + 01 bản photo (dành cho liên thông và văn bằng 2).

3.5. Các chính sách, quyền lợi và chế độ hỗ trợ sinh viên (không áp dụng Sinh viên miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ):

- Giảm 5% học phí cho học sinh khi đóng học phí 01 năm học.
- Giảm 10% học phí cho học sinh khi đóng học phí 1,5 năm đến 02 năm học.
- Giảm 15% học phí cho học sinh khi đóng học phí 2,5 năm đến 03 năm học.
- Giảm 10% học phí học kỳ 1 cho 10 học sinh đóng học phí đầu tiên.
- Giảm 10% học phí học kỳ 1 cho học sinh là thủ khoa đầu vào các ngành học.
- Trường hợp có 02 anh, chị, em ruột cùng học tại trường, người thứ hai được giảm 10% học phí trong học kỳ 1.
- Miễn học phí năm học đầu tiên cho học sinh Giỏi 03 năm Trung học phổ thông.
- Nhà trường xét miễn, giảm học phí và ký túc xá trong các trường hợp sau: Mồ côi cả cha lẫn mẹ, gia đình thuộc diện hộ nghèo (có sổ hộ nghèo), dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện chính sách....
- Hỗ trợ 100% sinh viên ra trường được giới thiệu việc làm.
- Được tạm hoãn gọi nhập ngũ theo Luật “Nghĩa vụ quân sự” số 78/2015/QH13 của Quốc hội ngày 19/6/2015.

3.6. Các chính sách, quyền lợi và chế độ hỗ trợ sinh viên tham gia chương trình miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ:

- Sinh viên được hỗ trợ miễn giảm từ 65% đến 100% học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ (Không áp dụng đối với Sinh viên đã nhận miễn giảm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống nhà nước).

- Hỗ trợ 100% sinh viên ra trường được giới thiệu việc làm.
- Được tạm hoãn gọi nhập ngũ theo Luật “Nghĩa vụ quân sự” số 78/2015/QH13 của Quốc hội ngày 19/6/2015.

QUY TRÌNH THANH QUYẾT TOÁN CÁC LỚP THEO NGHỊ ĐỊNH 81

Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Bước 1: Giấy trúng tuyển, Nhập học và hoàn thành đủ học phí theo thông báo của Nhà trường và nhận biên lai tại Phòng Tuyển sinh – Truyền thông.

Bước 2: Tại phòng Đào tạo điền phiếu thông tin (Họ tên, ngày sinh, nơi sinh, lớp, tên PH, địa chỉ thường trú). Ghi rõ nội dung về việc xin giấy xác nhận đang học tại trường để làm hồ sơ cấp bù tiền học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

Học sinh, sinh viên viết Đơn đề nghị chi trả tiền miễn, giảm học phí (theo Phụ lục 7): Trong vòng 45 ngày từ ngày Nhập học.

Bước 3: Phòng đào tạo xử lý đơn của sinh viên.

Bước 4: Sinh viên nhận lại đơn đã có chữ ký và dấu mộc tại Phòng Đào tạo. Nhà trường làm Giấy xác nhận (theo Phụ lục 8): Trong vòng 10 ngày từ ngày học sinh viết Đơn.

Bước 5: Sau khi đủ hồ sơ thì gửi Công văn kèm Danh sách học sinh theo Phụ lục 9. Sau khi tập hợp đủ hồ sơ, nộp hồ sơ cho các Phường, xã theo Hộ khẩu thường trú của học sinh, sinh viên để đề nghị thanh quyết toán.

Một bộ hồ sơ học sinh gồm có các giấy tờ sau:

- Giấy xác nhận sinh viên đang học tại Trường Cao đẳng Lê Quý Đôn.
- Giấy xác nhận sinh viên đang theo học các ngành nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Giấy xác nhận theo mẫu phụ lục VIII.
- Dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo mẫu phụ lục IX.
- Hóa đơn đóng học phí.
- Các hồ sơ giấy tờ khác theo yêu cầu địa phương (nếu có).
- Bằng tốt nghiệp/ Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời – Công chứng.
- Giấy khai sinh – Công chứng.
- CCCD – Công chứng.
- Giấy báo trúng tuyển và giấy báo nhập học.

3.7. Nguồn Tuyển sinh:

- Khối Văn hóa 9+: Kết hợp với các trung tâm giáo dục thường xuyên, Trường THCS.
- Khối Sức khỏe - Chăm sóc sắc đẹp: Trường THPT; Trường trung cấp, cao đẳng, đại học; các bệnh viện, phòng khám; phòng nha, trung tâm y tế; trung tâm thẩm mỹ và chăm sóc sắc đẹp, Công ty sản xuất thuốc, cơ sở kinh doanh Dược...

- Khối Kỹ thuật: Trường THCS, Trường THPT, Trường trung cấp, cao đẳng, đại học, Hợp tác với các nhà máy, xí nghiệp.
- Khối Kinh tế - Luật: Trường THCS, Trường THPT, Trường trung cấp, cao đẳng, đại học, các văn phòng luật sư, các công ty, doanh nghiệp phối hợp với các nhà hàng, khách sạn, khu du lịch nghỉ dưỡng, khu du lịch sinh thái, homestay, cơ sở đào tạo kỹ thuật chế biến món ăn...
- Khối Ngoại ngữ - Tin học: Trường THCS, Trường THPT, Trường trung cấp, cao đẳng, đại học, Các trung tâm Ngoại ngữ - tin học ...

IV. ĐỊA ĐIỂM TƯ VẤN TUYỂN SINH, TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ ĐÀO TẠO:

1. TRỤ SỞ CHÍNH: TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÊ QUÝ ĐÔN:

Địa chỉ: Số 537 - 538, Quốc lộ 51, Khu phố 3, P. Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3938.222, 0973.685.439 (Zalo).

Facebook: <https://facebook.com/cdlqd>; Tiktok: <https://www.tiktok.com/@cdlqd>

Youtube: <https://www.youtube.com/@truonglequydon>

Email: info@lqd.edu.vn; Website: <http://lqd.edu.vn>

2. CƠ SỞ TẠI TP. HỒ CHÍ MINH:

Địa chỉ: D1A đường 672, khu phố 1, P. Phước Long B, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0973.685.439 (Zalo).

3. CƠ SỞ TẠI NINH BÌNH:

Địa chỉ: 436A Đường Trần Quang Khải, Hợp Thiện, Ninh Sơn, TP Ninh Bình;

Điện thoại: 036.8376.155 (Ms. Hường), 0977 818 114 (Ms. Loan).

4. CƠ SỞ TẠI GÒ VẤP: TRƯỜNG TRUNG CẤP Y DƯỢC TÔN THẤT TÙNG

Địa chỉ: Tòa nhà Thái Sơn, Số 364/1A Phan Văn Trị, Phường 5, Q.Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0941933501 – 0963473130.

5. CƠ SỞ TẠI KHÁNH HÒA: TRƯỜNG TRUNG CẤP Y DƯỢC YERSIN NHA TRANG

Địa chỉ: 1 Nguyễn Mậu Tài, Vĩnh Ngọc, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 02583.515.585, 0941 345 555 (Thầy. Tuấn).

6. CƠ SỞ BÌNH THUẬN: TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH THUẬN

Địa chỉ: 417 Trần Hưng Đạo, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Điện thoại: 0972 359 942 (Cô. Duyên).

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (b/c);
- Ban Giám hiệu (b/c);
- Các Văn phòng, phân viện;
- Các Phòng, Khoa, Ban, Trung tâm chức năng;
- Lưu VT, Bình (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



**Q. Hiệu Trưởng
ThS. Đàm Thanh Tài**

